

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ML03025: LUẬT ĐẤT ĐAI (LAND LAW)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 2
- Tín chỉ: **2 (2-0-6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 21 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 9 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân có hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Pháp luật
 - Khoa: Khoa học xã hội
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

-
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức	
CĐR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	2.1. Phân tích công tác quản lý đất đai theo luật đất đai để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội
CĐR4. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các	4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai
Kỹ năng	
CĐR5. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.	5.1. Sử dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn thuộc ngành quản lý đất đai.

CDR8: Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	8.1. Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR9. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	9.2. Thể hiện ý thức học tập suốt đời.

*** Mục tiêu**

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về pháp luật đất đai để nhận diện, đánh giá, phân tích và đưa ra phương án giải quyết đối với những vấn đề liên quan tới lĩnh vực đất đai phát sinh trên thực tiễn.
- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho người học thành thạo kỹ năng phối hợp làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện, tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo hợp đồng và tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực đất đai trong thực tiễn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học phần hình thành heo sinh viên sự chủ động học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan đến pháp luật đất đai; tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đất đai.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		2.1	4.1	5.1	8.1	9.2
ML03025	Luật Đất đai	P	P	P	I	I

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức pháp luật về sở hữu, chế độ quản lý, về thủ tục hành chính đất đai... vào công tác quản lý đất đai góp phần hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội	CB 2.1
Kỹ năng		
K2	Vận dụng kiến thức pháp luật đất đai để hình thành tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý, sử dụng đất đai	CB 4.1
K3	Thực hiện hành vi ứng xử nghề nghiệp, khả năng hợp tác, giữ vai trò lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên quản lý đất đai	CB 5.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Thực hiện hành vi làm việc độc lập, phân công và giám sát công việc trong tập thể để thực hiện nhiệm vụ; tự chủ đưa ra hướng giải quyết, xử lý vấn đề chuyên môn phù hợp quy định của pháp luật trong quản lý đất đai	CB 8.1
K5	Thể hiện ý thức tìm hiểu tiếp cận thường xuyên và áp dụng kiến thức pháp luật đất đai phục vụ công tác trong tương lai	CB 9.2

III. Nội dung tóm tắt của học phần

ML03025. Luật Đất đai (Land Law) (2 TC: 2-0-6). Học phần gồm nội dung một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai; Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Chế độ pháp lý các loại đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết giảng;
- Phương pháp giảng dạy thông qua thảo luận;
- Phương pháp nêu vấn đề;
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp;
- Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông (giảng dạy trực tuyến khi cần thiết).

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng;
- Nghiên cứu tài liệu;
- Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận;
- Áp dụng phương pháp học trực tuyến theo quy định của Học viện.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đi học đầy đủ, không nghỉ quá số tiết theo quy định của Học viện.
- Chuẩn bị cho bài giảng và tự học: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình, tài liệu tham khảo về nội dung sẽ giảng dạy lý thuyết trước khi đến lớp học và tự học, tự nghiên cứu ở nhà theo nội dung giảng viên yêu cầu sau khi kết thúc mỗi chương.
- Thuyết trình và thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải thảo luận và thuyết trình theo nhóm (gồm 6 nhóm/6 chủ điểm). Điểm thuyết trình, thảo luận được tính làm điểm giữa kỳ của môn học.
- Thi cuối kì: Trắc nghiệm. Trường học học online thi tự luận

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá chuyên cần và thảo luận			
Rubric 1. <i>Đánh giá chuyên cần</i>	K4, K5	10	Tuần 1- 10
Rubric 2. <i>Đánh giá thảo luận</i>	K1, K2, K3, K4, K5	30	Tuần 8-10
Hoặc			

Đánh giá quá trình			
Rubric 3. <i>Đánh giá quá trình</i>	K1, K2, K3, K4, K5	50	Tuần 1-10
Cuối kì			
Rubric 4. <i>Đánh giá cuối kỳ: Thi trắc nghiệm</i>	K1	50 hoặc 60	Theo lịch của HV

**Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần
(Dùng cho thi cuối kì – thi trắc nghiệm)**

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện KQHTMD
K1	Chỉ báo 1: Áp dụng các quy định pháp luật đất đai vào công việc thực tiễn trong công tác quản lý của nhà nước đối với đất đai
K1	Chỉ báo 2: Vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý thuộc chuyên môn trong công việc

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động giải quyết vấn đề	Khá chú ý, có tham gia giải quyết vấn đề	Có chú ý, ít tham gia giải quyết vấn đề; làm việc riêng	Không chú ý/ không tham gia giải quyết vấn đề; làm việc riêng
Thời gian	50	Ý thức tuân thủ cao nên không vắng	Ý thức tuân thủ trung bình nên vắng 1 buổi 3 tiết/2 buổi 2 tiết		Ý thức tuân thủ thấp nên vắng 2 buổi 3 tiết/3 buổi 2 tiết

Rubric 2. Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung	20	Đầy đủ các mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu 01 mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu 2 mục theo yêu cầu của giảng viên	Thiếu ≥ 3 nội dung theo yêu cầu của giảng viên
	20	Chính xác, khoa học	Có 1 mục thiếu chính xác	Có 2 mục thiếu chính xác	Có 3 mục thiếu chính xác
Hình thức	5	Đúng hoặc vượt không quá 5 slide theo quy định	Vượt 5 \rightarrow 7 slide theo quy định	Vượt 7 \rightarrow 10 slide theo quy định	Vượt > 10 slide theo quy định
	5	-Trích dẫn nguồn số liệu chính xác;	-Trích dẫn nguồn số liệu thiếu	-Trích dẫn nguồn số liệu thiếu	-Trích dẫn nguồn số liệu

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
		-Hình ảnh minh họa có liên quan	chính xác ≤ 2 lần; -Hình ảnh minh họa có liên quan	chính xác ≤ 2 lần; -Hình ảnh minh họa ít liên quan	thiếu chính xác > 2 lần; -Hình ảnh minh họa không liên quan
Quản lý thời gian	5	Nộp bài đúng hạn hoặc chậm 1 ngày có lý do được giảng viên chấp nhận	Nộp chậm 1 ngày không có lý do	Nộp chậm 2 ngày không có lý do	Nộp chậm > 2 ngày không có lý do
	5	Trình bày báo cáo theo đúng thời gian quy định của giảng viên	Trình bày vượt quá thời gian quy định từ 5 → 10 phút	Trình bày vượt quá thời gian quy định từ > 10 → 15 phút	Trình bày vượt quá thời gian quy định > 15 phút
Tương tác	5	Được 85→100% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 65 →84% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 40 →64% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”	Được 0 →39% thành viên trong nhóm đánh giá “Hoàn thành”
	5	-Đại diện nhóm thuyết trình to rõ ràng; -Tương tác tốt với người nghe	-Đại diện nhóm thuyết trình to rõ ràng; -Thiếu tương tác với người nghe	-Đại diện nhóm thuyết trình nhỏ, không rõ ràng; -Thiếu tương tác với người nghe	- Đại diện nhóm thuyết trình nhỏ, không rõ ràng; -Không tương tác với người nghe
	20	Trả lời đúng từ 85 → 100% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 65 →84% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 40 →64% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.	Trả lời đúng từ 0 →39% các câu hỏi do các nhóm khác đặt ra.
	10	Có nhận xét và đặt ≥ 02 câu hỏi chính xác với bài thuyết trình của nhóm khác	Có nhận xét và đặt 01câu hỏi chính xác với bài thuyết trình của nhóm khác	Chỉ có nhận xét không đặt được câu hỏi/ hoặc câu hỏi không chính xác với bài thuyết trình của nhóm khác	Không có nhận xét và câu hỏi với bài thuyết trình của nhóm khác.

Rubric 3 – Đánh giá quá trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Tham gia trên lớp	20	Không vắng trên lớp	Vắng 01 buổi 3 tiết hoặc 02 buổi 2 tiết		Vắng 02 buổi 3 tiết hoặc 03 buổi 2 tiết
Thái độ làm việc	30				
Sự chú ý	50	Hoàn toàn chú ý nghe, không làm việc riêng	Có sự chú ý, không làm việc riêng	Ít chú ý, có làm việc riêng	Hoàn toàn không chú ý, thường xuyên làm việc riêng
Vị trí ngồi	25	Những bàn đầu giữa lớp	Những bàn đầu dãy hai bên hoặc những bàn giữa dãy giữa	Bàn giữa dãy hai bên	Các dãy bàn cuối
Ý thức làm việc	25	Đứng lên kịp thời, trả lời rành mạch, không vào lớp muộn	Mắc một trong các sai sót về đứng lên làm việc/ trả lời không rành mạch/ có vào lớp muộn	Mắc hai trong số các sai sót đứng lên kịp không thời, trả lời không rành mạch, có vào lớp muộn	Mắc tất cả các sai sót đứng lên không kịp thời, trả lời không rành mạch, có vào lớp muộn
Làm việc trên lớp, ngoài lớp	50 - Trong thảo luận nhóm có kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động của cả nhóm				
<i>Hoạt động trên lớp</i>	60				
Trong giờ giảng của giảng viên	60	Trả lời tất cả câu hỏi chỉ định; nhiều câu hỏi, nhiều câu trả lời tự nguyện	Trả lời tất cả câu hỏi chỉ định, có câu hỏi, câu trả lời tự nguyện	Chỉ trả lời câu hỏi chỉ định	
Trong chương trình thảo luận nhóm	40	Tích cực đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi; đại diện nhóm thuyết trình/đóng vai chính trong tình huống, kịch; chất lượng nội dung báo cáo/tình huống, kịch của nhóm tốt	Ít đặt câu hỏi, ít trả lời câu hỏi; phụ trách kỹ thuật phục vụ thuyết trình/đóng vai phụ trong tình huống, kịch bản; chất lượng nội dung báo cáo/tình huống, kịch của nhóm khá	Không đặt câu hỏi, không trả lời câu hỏi, không có vai trò trong nhóm; nội dung báo cáo của nhóm/chất lượng tình huống, kịch trung bình	Không đặt câu hỏi, không trả lời câu hỏi, không có vai trò trong nhóm, nội dung báo cáo/chất lượng tình huống, kịch của nhóm kém

Hoạt động ngoài lớp	40	Kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động của cả nhóm			
Tham gia hoạt động nhóm	60	Tìm thông tin, nêu ý kiến, tham gia sinh hoạt nhóm/sáng tác tình huống, kịch	Chỉ tìm thông tin hoặc nêu ý kiến/tham gia tìm, điều chỉnh tình huống, kịch, tham gia sinh hoạt nhóm	Tham gia sinh hoạt nhóm nhưng không tìm thông tin, không nêu ý kiến/ không tham gia chuẩn bị tình huống, kịch bản	Không tham gia sinh hoạt nhóm
Kỷ luật của nhóm	40	Gửi bài thảo luận/tình huống, kịch bản đúng hạn, chỉnh sửa đúng yêu cầu của giảng viên, các thành viên cùng làm việc	Mắc 1 trong 2 sai sót là không gửi bài thảo luận/tình huống, kịch đúng hạn hoặc không chỉnh sửa đúng yêu cầu của giảng viên, một số thành viên làm việc	Gửi bài thảo luận/tình huống, kịch không đúng hạn và không chỉnh sửa đúng yêu cầu của giảng viên, số ít thành viên làm việc	Không gửi bài chuẩn bị tới giảng viên, chỉ có trưởng nhóm làm việc

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham dự các buổi học trên lớp: Theo quy định của Học viện.

Tham dự thuyết trình và thảo luận: Không tham gia bài thuyết trình và thảo luận nhóm giữa kì thì không đủ điều kiện dự thi.

Tham dự thi cuối kỳ: Theo quy định của Học viện

Yêu cầu về đạo đức, tinh thần, thái độ học tập: Tôn trọng giảng viên và các thành viên trong lớp, chuẩn bị tài liệu và đọc trước kiến thức trước khi lên lớp, tự nghiên cứu theo nội dung giảng viên quy định sau khi kết thúc học lý thuyết.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

- Viện Đại học Mở Hà Nội (2016). *Giáo trình Luật Đất đai Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
- Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh) (2016). *Giáo trình Luật Đất đai*, NXB Hồng Đức, TP HCM.
- Vũ Văn Tuấn (2012). Bài giảng Luật Đất đai. NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo khác:**

■ Sách tham khảo

- Nguyễn Minh Hằng (chủ biên) (2014), *Xử lý tình huống trong thi hành Luật Đất đai năm 2013*, NXB. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- Nguyễn Đình Bồng (chủ biên) (2014), *Mô hình quản lý đất đai hiện đại ở một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

• Trần Quang Huy (chủ biên) (2017). Bình luận chế định quản lý nhà nước về đất đai trong Luật Đất đai 2013, NXB Tư pháp, Hà Nội.

■ Văn bản quy phạm pháp luật

• Quốc hội (2013). Hiến pháp của nước CHXHCN Việt Nam do Quốc hội ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013.

• Quốc hội (2009). Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2009

• Quốc hội (2010). Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2010.

• Quốc hội (2011). Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011.

• Quốc hội (2011). Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011.

• Quốc hội (2010). Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2010

• Quốc hội (2013). Luật Đất đai số 45/2013/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013.

• Quốc hội (2014). Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

• Quốc hội (2014). Luật nhà ở số 65/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2014.

Quốc hội (2020). Luật Đầu tư số Luật số: 61/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

• Quốc hội (2020). Luật Doanh nghiệp Luật số: 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

• Quốc hội (2014). Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2014.

• Quốc hội (2015). Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.

• Quốc hội (2015). Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2015.

• Quốc hội (2015). Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2015.

• Quốc hội (2015). Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2017

• Quốc hội (2018). Luật sửa đổi 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2018

• Các nghị định, thông tư hướng dẫn những văn bản quy phạm pháp luật nêu trên.

* **Tài liệu tham khảo trực tuyến**

Thư viện quốc gia <https://nlv.gov.vn/>

Thư viện Học viện Nông nghiệp Việt Nam: <https://infolib.vnua.edu.vn/>

Văn bản Chính phủ: <https://vanban.chinhphu.vn/>

<https://monre.gov.vn/>

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	<p>Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 11.1. Giới thiệu chung về ngành Luật Đất đai 1.1.1. Khái niệm ngành Luật Đất đai 1.1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của ngành Luật Đất đai 1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của ngành Luật Đất đai 1.2. Quan hệ pháp luật đất đai 1.2.1. Lịch sử quan hệ pháp luật đất đai 1.2.2. Quan hệ pháp luật đất đai theo quy định hiện hành 1.2.3. Cơ sở làm phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp luật đất đai 1.3. Chế độ quyền sở hữu toàn dân đối với đất đai 1.3.1. Giới thiệu chung về chế độ quyền sở hữu toàn dân đối với đất đai 1.3.2. Nội dung của quyền sở hữu toàn dân đối với đất đai Nội dung seminar/thảo luận: Không</p>	K1, K2, K5
	<p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) - Ôn lại nội dung lý thuyết chương 1 - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo liên quan - Đọc Luật Đất đai hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.</p>	K1, K2, K5
3-4-5	<p>Chương 2: Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (9 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết) 2.1. Giới thiệu chung về quản lý nhà nước đối với đất đai 2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với đất đai 2.1.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai 2.2. Hoạt động nắm chắc tình hình đất đai 2.2.1. Điều tra, đánh giá đất đai 2.2.2. Lập và quản lý các loại bản đồ về đất đai 2.2.3. Lập và quản lý các loại hồ sơ về đất đai 2.2.4. Đăng ký đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất 2.2.5. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) 2.2.6. Thống kê và kiểm kê đất đai 2.2.7. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất 2.2.8. Quản lý các hoạt động dịch vụ, tư vấn về đất đai 2.3. Hoạt động phân phối và phân phối lại đất đai 2.3.1. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai 2.3.2. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng</p>	K1, K2, K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	- Nội dung 2: Những vấn đề pháp lý và thực tiễn về: thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận trong một số trường hợp cụ thể.	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết) - Ôn lại nội dung lý thuyết chương 5 - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo liên quan - Đọc Luật Đất đai hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.	K1, K2, K3, K4, K5

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: Phải đảm bảo đủ chỗ ngồi cho sinh viên và cung cấp đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính.
- Các phương tiện khác: Loa, mic...
- E-learning: Đảm bảo hệ thống truy cập phần mềm dạy trực tuyến (Ms.Teams, Zoom...) thuận tiện, máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Minh Huệ

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Lê Khanh

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)





GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Văn Tuấn	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0912644808
Email: vvtuan@vnua.edu.vn	Trang web: http://xahoi.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: qua email và/hoặc điện thoại và/hoặc văn phòng Bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Thị Yến	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0989.358.385
Email: lethiyen@vnua.edu.vn	Trang web: http://xahoi.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: qua email và/hoặc điện thoại và/hoặc văn phòng Bộ môn	

Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

Lần 1- (7/2018):

(1) Chính sửa KQHTMĐ của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 18 CĐR cho 3 chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá (bổ sung thêm Rubric).

Lần 2- (7/2019):

(1) Cập nhật KQHTMĐ của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT (IPRM). CĐR của CTĐT ngành QLĐĐ có 12 CĐR.

(2) Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá;

Lần 3-5 (7/2020-7/2022):

Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy (kết hợp giảng dạy online), phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

Lần 6 (7/2023):

Chính sửa CĐR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT. CTĐT ngành QLĐĐ có 9 CĐR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.